

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 206/2020/DS-PT
Ngày 03 - 7 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 355/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951; Bà Trương Thị Hồng N, sinh năm 1975; Anh Trương Văn M, sinh năm 1984; Anh Trương Việt H, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: 18/1, ấp B, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trương Hoài P, sinh năm 1976; Địa chỉ: C4/151, đường L, ấp 3, xã K, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1978; Địa chỉ: 163/3, ấp 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Anh Trương Văn L, sinh năm 1980; Địa chỉ: 10/1, ấp B, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Chị Trương Thị Hồng C, sinh năm 1989; Địa chỉ: 46/3, ấp K, xã H, huyện P,

tỉnh Bến Tre.

Bà S, bà N, ông H, ông P, bà L, anh L, chị H cùng ủy quyền cho Anh Trương Văn M. Anh Trương Văn M, Ông Trương Hoài P có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Phan Công Q, sinh năm 1960; Địa chỉ: 110/6, ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Phan Công Q: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993; Địa chỉ: 105A, đường C, ấp T, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Phan Thị Bích D, sinh năm 1990; chị Phạm Thị G, sinh năm 1995; anh Phan Thế L, sinh năm 1991; anh Phan Huy T, sinh năm 1994; bà Đỗ Thị H, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: 110/6 ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị D, chị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà H, anh L, anh T có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Phan Công Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Anh Trương Văn M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, Bà Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, Bà Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C trình bày:

Ông Trương Văn B và Bà Nguyễn Thị S có 07 con chung là Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Cẩm H. Ông B chết năm 2017.

Vào năm 1995, Ông B và Bà S có nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn Đ (cha ruột của Ông Phan Công Q) một phần đất khoảng 13 công, việc chuyển nhượng hai bên có lập giấy mua bán hay không thì anh không biết do hiện nay gia đình không còn lưu giữ.

Phần đất trên Ông B, Bà S trực tiếp sử dụng. Quá trình sử dụng đất Ông B, Bà S là người trực tiếp đứng tên kê khai theo đo đạc 299 thuộc một phần thửa 1324, tờ bản đồ 04, có diện tích 12.956m² và Ông B, Bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/5/2008. Qua đo đạc chính quy thửa 286, tờ bản đồ số 21, có diện tích 13.042,6m², Ông B, Bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/2017.

Quá trình sử dụng đất Ông Phan Công Q là con ông Đ có lần chiếm của gia đình anh phần đất có diện tích 547,2 m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Gia đình anh biết ông Q lấn chiếm đất nhưng do chỗ bà con quen biết nên gia đình không có yêu cầu địa phương can thiệp. Hơn nữa, từ trước đến nay gia đình anh thường xuyên cho người khác thuê đất để sử dụng. Gia đình anh không có thống nhất cấm trừ ranh đất với ông Q như ông Q trình bày.

Anh được Bà Nguyễn Thị S, Bà Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, Bà Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C ủy quyền yêu cầu Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G phải giao trả lại cho tất cả các nguyên đơn phần đất có diện tích đất là 547,2m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đối với cây trồng trên đất là của ông Q gồm: 01 cây ôi, 01 cây trà vàng loại 1, 02 cây trà vàng loại 2, 01 cây bạch đàn loại 2, 01 cây bạch đàn loại 1, 03 bụi chuối, 13 cây dừa loại 1, 05 cây dừa loại 3, gia đình anh đồng ý sử dụng và bồi thường giá trị cho ông Q theo giá Hội đồng định giá.

Anh đồng ý với kết quả đo đạc, định giá. Về chi phí tố tụng anh tự nguyện nộp toàn bộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Ông Phan Công Q trình bày:

Năm 1995 ông Phan Văn Đ là cha ruột của ông có trực tiếp chuyển nhượng cho Ông B một phần đất có diện tích 12,5 công đất (01 công là 900m² ở địa phương), việc mua bán hai bên có làm giấy tay mua bán nhưng hiện nay gia đình ông không còn lưu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Vị trí đất chuyển nhượng là từ mé bờ nhỏ trở vào bên trong, phần còn lại phía ngoài là không có bán (vị trí tranh chấp). Khi ông Đ bán đất cho Ông B thì ông Q là con trai trưởng và các con của ông Đ có ký tên chứng kiến và đồng ý bán đất.

Phần vị trí đất tranh chấp ông Đ cho ông sử dụng từ đầu năm 1992, việc tặng cho không có làm giấy tờ gì. Từ khi được ông Đ cho đất ông vét ao nuôi cá và trồng chuối trên đất, sau này trồng dừa và trà vàng cho đến nay. Ông khẳng định ông Đ không có bán phần đất tranh chấp cho Ông B do phần đất này trước đây được giữ lại để sử dụng vào việc đắp đê.

Vào ngày 15/11/1995 ông được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4.570m² thuộc thửa 1323, 1470, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Theo đo đạc chính quy thửa 249, tờ bản đồ số 21, có diện tích 688,5 m², hiện nay ông đã được cấp đổi giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Năm 1995 phần đất tranh chấp nêu trên là đất dùng để đắp đê nên ông không có đăng ký kê khai (do ông tưởng đất của nhà nước) và cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này.

Thời điểm Ông B còn sống thì giữa ông và Ông B có thống nhất ranh đất của hai bên. Đầu năm 2017, Ông B lên lóp trồng dừa và Ông B đã thỏa thuận đóng trụ ranh bê tông với ông, đến giữa năm 2017 Ông B chết. Ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc nào thì ông không biết nên không có tranh chấp. Đến khi đo đạc chính quy ông mới biết Ông B kê khai đất của ông nên ông có đến gặp Ông B để yêu cầu Ông B tách quyền sử dụng đất cho ông thì Ông B có thừa nhận Ông B không có kê khai đất của ông.

Phần đất nêu trên ông là người trực tiếp sử dụng, gia đình Ông B không trực tiếp sử dụng, đồng thời việc ông trực tiếp sử dụng đất thì gia đình Ông B không có ngăn cản hay tranh chấp gì. Phần đất Ông B mua của ông Đ thì Ông B trực tiếp sử dụng khoảng 03 năm, sau đó Ông B cho ông Đ thuê lại 03 năm, sau đó tiếp tục cho ông A thuê đến năm 2017. Do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông B, Bà S là không đúng.

Hiện nay trên đất tranh chấp ông có trồng 01 cây ổi, 01 cây tràm vàng loại 01, 02 cây tràm vàng loại 02, 01 cây bạch đàn loại 02, 01 cây bạch đàn loại 01, 03 bụi chuối, 13 cây dừa loại 01, 05 cây dừa loại 03.

Qua yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị S, Bà Trương Thị Hồng N , Anh Trương Văn M, Anh Trương Việt H , Ông Trương Hoài P , Bà Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L , chị Trương Thị Hồng C yêu cầu ông và bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G phải giao trả lại cho tất cả các nguyên đơn phần đất có diện tích đất là 547,2 m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P , tỉnh Bến Tre thì gia đình ông không đồng ý giao trả đất. Do không đồng ý giao trả đất nên ông cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại trên đất. Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T trình bày:

Bà và các anh thống nhất lời trình bày của Ông Phan Công Q là không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của các nguyên đơn. Bà và các anh đồng ý với kết quả đo đạc, định giá.

Tài sản tranh chấp đã được xem xét, thẩm định và định giá cụ thể như sau:

1. Về đất: thuộc thửa 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Thạnh Khương, xã Mỹ Hưng, huyện P . Hai bên đương sự thống nhất giá 60.000 đồng/m². Thành tiền: diện tích 547,2 m² X 80.000 đồng = 43.776.000 đồng.

2. Về cây trồng:

Có 13 cây dừa loại 01 giá 1.500.000 đồng/01 cây = 19.500.000 đồng; 05 cây dừa loại 03 giá 500.000 đồng/01 cây = 2.500.000 đồng; 01 cây ổi giá 100.000 đồng, 01 cây trầm vàng loại 01 giá 100.000 đồng/01 cây, 02 cây trầm vàng loại 02 giá 50.000 đồng/01 cây = 100.000 đồng, 01 cây đào loại 01 giá 300.000 đồng/01 cây; 02 bụi chuối giá 50.000 đồng/01 bụi = 150.000 đồng. Tổng cộng: 22.750.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 66.526.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 355/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị S, Bà Trương Thị Hồng N, Anh Trương Văn M, Anh Trương Việt H, Ông Trương Hoài P, Bà Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C.

Buộc Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G có nghĩa vụ giao trả cho Bà Nguyễn Thị S, Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Cẩm H phần đất có diện tích 547,2 m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Buộc Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G phải giao cho Bà Nguyễn Thị S, Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C được trực tiếp sử dụng 13 cây dừa loại 01, 05 cây dừa loại 03, 01 cây ổi, 01 cây trầm vàng loại 01, 02 cây trầm vàng loại 02, 01 cây đào loại 01, 03 bụi chuối, 01 cây bạch đàn loại 01, 01 cây bạch đàn loại 02 tại vị trí đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Buộc Bà Nguyễn Thị S, Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C có nghĩa vụ giao trả cho Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H,

Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G số tiền 22.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2019, bị đơn Ông Phan Công Q kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do: Phần đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc là của ông Phan Văn Đ cho lại ông, ông đã quản lý sử dụng phần đất trên từ năm 1992, vì vậy ông không đồng ý giao trả phần đất này cho phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện P .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn Ông Phan Công Q và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất:

Phần đất tranh chấp có diện tích 547,2m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P , tỉnh Bến Tre có nguồn gốc Ông Trương Văn B nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn Đ vào năm 1995. Ông B là người đăng ký kê khai tại sổ mục kê, sổ địa chính theo đo đạc 299 thuộc thửa 1324, tờ bản đồ số 04, có diện tích 12.956m² và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/5/2008. Qua đo đạc chính quy, Ông B, Bà S trực tiếp đứng tên kê khai thuộc thửa 286, tờ bản đồ số 21, có diện tích 13.043m², Ông B, Bà S được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/5/2017.

[2] Căn cứ vào họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 03/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P , xét thấy:

Tại vị trí phần đất tranh chấp có diện tích 547,2m² thuộc một phần thửa 286, tờ bản đồ số 21, mặc dù thực tế ông Q là người trực tiếp sử dụng đất nhưng ông Q không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất trên ông được cha của ông là ông Đ tặng cho, cũng như không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ không có chuyển nhượng phần đất trên cho Ông B. Hơn nữa, qua các lần đo đạc tổng thể thửa đất trên địa bàn xã H thì ông Q có trực tiếp đăng ký kê khai các thửa đất ông đang trực tiếp sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng tại vị trí đất tranh chấp ông Q không đăng ký kê khai và cũng không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Q cho rằng vì ông nghĩ là đất của nhà nước nên ông không đăng ký kê khai và cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này. Ông Q biết rõ Ông B, Bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí đất nêu trên nhưng ông cũng không khiếu nại hay tranh chấp gì.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng, kết quả xem xét thẩm định ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có thể hiện giáp giữa hai phần đất tranh chấp có một trụ đá do Ông B và ông Q cắm, do đó bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, phần đất tranh chấp trên là của bị đơn và không yêu cầu phía nguyên đơn bồi hoàn công sức bồi đắp, cải tạo đất.

Phía nguyên đơn cho rằng, trụ đá chỉ xác định ranh ngang giữa Ông B với các thửa đất giáp ranh, phía bị đơn ông Q cũng không chứng minh được đây là phần xác định ranh giữa hai bên nên lời trình bày của phía bị đơn là chưa đủ cơ sở. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn cho rằng, phần đất tranh chấp trước đây là đất ruộng không phải là ao, nhưng thừa nhận bị đơn có công bồi đắp nên đồng ý hỗ trợ cho bị đơn công sức bồi đắp, cải tạo đất là 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định phần đất có diện tích 547,2m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21 là của Ông B, Bà S . Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G phải giao trả đất cho các nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Đối với cây trồng trên phần đất tranh chấp mà ông bị đơn trồng là không thể di dời, các nguyên đơn đồng ý sử dụng và trả giá trị, nên cần giao cho các nguyên đơn tiếp tục quản lý sử dụng và phải trả lại giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn với số tiền 22.750.000 đồng là phù hợp. Phía nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn công sức bồi đắp, cải tạo đất là 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Anh Trương Văn M tự nguyện nộp là 1.885.000 đồng và đã nộp xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu được chấp nhận nên phía nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Anh Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0021699 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P .

Ông Phan Công Q được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Công Q được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Phan Công Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 355/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P , tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị S, Bà Trương Thị Hồng N , Anh Trương Văn M, Anh Trương Việt H , Ông Trương Hoài P , Bà Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L , chị Trương Thị Hồng C.

Buộc Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G có nghĩa vụ giao trả cho Bà Nguyễn Thị S, Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H , anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L , chị Trương Thị Hồng C phần đất có

diện tích 547,2m² thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G phải giao cho Bà Nguyễn Thị S, Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C được trực tiếp sử dụng 13 cây dừa loại 01, 05 cây dừa loại 03, 01 cây ổi, 01 cây tràm vàng loại 01, 02 cây tràm vàng loại 02, 01 cây đào loại 01, 03 bụi chuối, 01 cây bạch đàn loại 01, 01 cây bạch đàn loại 02 tại vị trí đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 286, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Buộc Bà Nguyễn Thị S, Anh Trương Văn M, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C có nghĩa vụ giao trả cho Ông Phan Công Q, bà Đỗ Thị H, Chị Phan Thị Bích D, anh Phan Thế L, anh Phan Huy T, chị Phạm Thị G số tiền 22.750.000 (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm chục ngàn) đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Anh Trương Văn M, Bà Nguyễn Thị S, chị Trương Thị Hồng N, Anh Trương Việt H, anh Trương Hoài P, chị Trương Thị Hồng L, Anh Trương Văn L, chị Trương Thị Hồng C hỗ trợ cho Ông Phan Công Q công sức bồi đắp, cải tạo đất số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 286, tờ bản đồ 21, tọa lạc ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre (có họa đồ kèm theo).

4. Về chi phí tố tụng: Anh Trương Văn M tự nguyện nộp là 1.885.000 (Một triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng. Anh Minh đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho Anh Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0021699 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Ông Phan Công Q được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Công Q được miễn. Hoàn lại cho Ông Phan Công Q số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006287 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P , tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P ;
- Chi cục THADS huyện P ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy

